ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2024

(Ban hành theo Quyết định số 02/QĐ-HĐTS, ngày 31 tháng 03 năm 2024)

I. Thông tin chung (tính đến thời điểm xây dựng kế hoạch tuyển sinh)

1. Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Công nghệ Thông tin – ĐHQG.HCM

2. Mã trường: QSC

3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu):

Khu phố 6, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, TP. HCM

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo: www.uit.edu.vn

5. Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo (có thông tin tuyển sinh):

https://www.facebook.com/TuyenSinh.UIT/

https://www.facebook.com/UIT.Fanpage/

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0908831246

7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của CSĐT: www.uit.edu.vn/Công bố ba công khai (uit.edu.vn)

-------------------------------------------------------------

Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, lĩnh vực đào tạo, được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm 2023.

STT: 1 Lĩnh vực: Kinh doanh và quản lý Trình độ đào tạo: Đại học Chỉ tiêu tuyển sinh: 110 Số SV trúng tuyển nhập học: 96 Số SV tốt nghiệp: 29 Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp (khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh): 0

STT: 1.1 Ngành đào tạo: Thương mại điện tử Trình độ đào tạo: Đại học Chỉ tiêu tuyển sinh: 110 Số SV trúng tuyển nhập học: 96 Số SV tốt nghiệp: 29 Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp (khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh): 0

STT: 2 Lĩnh vực: Máy tính và công nghệ thông tin Trình độ đào tạo: Đại học Chỉ tiêu tuyển sinh: 1620 Số SV trúng tuyển nhập học: 1638 Số SV tốt nghiệp: 1175 Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp (khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh): 0

STT: 2.1 Ngành đào tạo: Khoa học máy tính Trình độ đào tạo: Đại học Chỉ tiêu tuyển sinh: 240 Số SV trúng tuyển nhập học: 250 Số SV tốt nghiệp: 190 Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp (khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh): 95.8

STT: 2.2 Ngành đào tạo: Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu Trình độ đào tạo: Đại học Chỉ tiêu tuyển sinh: 190 Số SV trúng tuyển nhập học: 195 Số SV tốt nghiệp: 121 Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp (khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh): 94.7

STT: 2.3 Ngành đào tạo: Kỹ thuật phần mềm Trình độ đào tạo: Đại học Chỉ tiêu tuyển sinh: 220 Số SV trúng tuyển nhập học: 234 Số SV tốt nghiệp: 203 Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp (khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh): 95.7

STT: 2.4 Ngành đào tạo: Hệ thống thông tin Trình độ đào tạo: Đại học Chỉ tiêu tuyển sinh: 225 Số SV trúng tuyển nhập học: 221 Số SV tốt nghiệp: 95 Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp (khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh): 95.8

STT: 2.5 Ngành đào tạo: Kỹ thuật máy tính Trình độ đào tạo: Đại học Chỉ tiêu tuyển sinh: 195 Số SV trúng tuyển nhập học: 202 Số SV tốt nghiệp: 108 Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp (khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh): 94.6

STT: 2.6 Ngành đào tạo: Khoa học dữ liệu Trình độ đào tạo: Đại học Chỉ tiêu tuyển sinh: 55 Số SV trúng tuyển nhập học: 30 Số SV tốt nghiệp: 0 Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp (khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh): 0

STT: 2.7 Ngành đào tạo: Công nghệ thông tin Trình độ đào tạo: Đại học Chỉ tiêu tuyển sinh: 300 Số SV trúng tuyển nhập học: 277 Số SV tốt nghiệp: 176 Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp (khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh): 96.7

STT: 2.8 Ngành đào tạo: An toàn thông tin Trình độ đào tạo: Đại học Chỉ tiêu tuyển sinh: 155 Số SV trúng tuyển nhập học: 160 Số SV tốt nghiệp: 126 Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp (khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh): 98.4

STT: 2.9 Ngành đào tạo: Trí tuệ nhân tạo Trình độ đào tạo: Đại học Chỉ tiêu tuyển sinh: 40 Số SV trúng tuyển nhập học: 35 Số SV tốt nghiệp: 0 Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp (khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh): 0

STT: Tổng Chỉ tiêu tuyển sinh: 1730 Số SV trúng tuyển nhập học: 1734 Số SV tốt nghiệp: 1204 Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp (khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh): 0

-------------------------------------------------------------

8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của CSDT:

https://tuyensinh.uit.edu.vn/diem-chuan-cua-truong-dh-cong-nghe-thong-tin-qua-cac-nam

8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển):

Trường thực hiện xét tuyển các phương thức (Các phương thức xét tuyển): Tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT; Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT; Xét tuyển dựa trên điểm thi Kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức; Ưu tiên xét tuyển thẳng thí sinh giỏi nhất trường THPT (theo quy định ĐHQG-HCM); Ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định của Trường ĐH.CNTT, Xét tuyển dựa trên các chứng chỉ quốc tế uy tín

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

10. Điều kiện bảo đảm chất lượng (Mẫu số 03)

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của CSTD: www.uit.edu.vn.Công bố ba công khai (uit.edu.vn)

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của CSTD: https://tuyensinh.uit.edu.vn/2024-de-tuyen-sinh-trinh-do-dai-hoc-nam-2024

12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của cơ sở đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSTD: https://tuyensinh.uit.edu.vn/2023-quy-che-tuyen-sinh-2023

13. Đường link công khai Quy chế thi tuyển sinh (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của CSTD: không có

14. Đường link công khai Đề án tổ chức thi (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của CSTD: không có

-------------------------------------------------------------

II. Tuyển sinh đào tạo chính quy

1. Tuyển sinh chính quy đại học, cao đẳng (ngành Giáo dục Mầm non)

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh: Theo quy định chung của Bộ GD&ĐT, ĐHQG-HCM và của Trường ĐH CNTT tương ứng với từng phương thức.

1.2. Phạm vi tuyển sinh: Cả nước.

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển): Xét tuyển.

- Phương thức 1: Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

+ Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8) – Mã phương thức: 301

+ Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSTD – Mã phương thức 303 (Ưu tiên xét tuyển thẳng thí sinh giỏi nhất trường THPT năm 2024 (theo quy định ĐHQG-HCM))

+ Xét kết hợp giữa tuyển thẳng theo Đề án và các phương thức khác – Mã phương thức 302 (Ưu tiên xét tuyển theo quy định của ĐHQG-HCM)

+ Ưu tiên xét tuyển thẳng theo Đề án của CSTD – Mã phương thức 304 (Ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định của Trường ĐH CNTT)

- Phương thức 2: Xét tuyển dựa trên điểm thi

+ Thi đánh giá năng lực, đánh giá tự duy do CSTD tự tổ chức để xét tuyển – Mã phương thức 401 (Kỳ thi đánh giá năng lực (DGNL) do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2024)

+ Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT – Mã phương thức 100 (Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024)

- Phương thức 3: Xét tuyển dựa trên các chứng chỉ quốc tế uy tín

+ Chỉ sử dụng chứng chỉ quốc tế để xét tuyển – Mã phương thức 408

+ Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển - Mã phương thức 410

1.5. Nguồn đầu vào

- Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT- Mã phương thức xét tuyển: 100 (Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024) mức điểm nhận hồ sơ xét tuyển dự kiến là 22 điểm cho tất cả các ngành và tổ hợp xét tuyển.

- Đối với Thi đánh giá năng lực, đánh giá tự duy do CSDL tự tổ chức để xét tuyển- Mã phương thức xét tuyển: 401 (Kỳ thi đánh giá năng lực (ĐGNL) do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2024) mức điểm nhận hồ sơ xét tuyển dự kiến là 600 điểm cho tất cả các ngành xét tuyển.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường: mã trường, mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển, mã phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sự đúng trong xét tuyển: Không có.

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức, điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển.

1.7.1 Phương thức 1: Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

- Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8) - Mã phương thức xét tuyển: 301 (Tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT)

- Đối tượng

✓ Xét tuyển thẳng vào tất cả các ngành:

- Thi sinh tham dự kỳ thi chọn đối tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế môn Tin học, Toán, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Tiến Anh, Tiến Nhật; thí sinh trong đối tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học kỹ thuật quốc tế; thời gian đạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển;

- Thi sinh đạt giải nhất, nhì, ba môn Tin học, Toán, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Tiến Anh, Tiến Nhật trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thời gian đạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển;

- Thi sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong Cuộc thi khoa học kỹ thuật quốc gia; thời gian đạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển;

- Thi sinh đạt giải nhất, nhì, ba các nghề Cơ điện tử, Tự động hóa công nghiệp, Robot di động, Điện tử, Thiết kế và phát triển trang Web, Giải pháp phần mềm Công nghệ thông tin, Lập cấp mạng thông tin, Thiết kế đồ họa, Quản trị hệ thống mạng CNTT trong kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế, nếu có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp, đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định của pháp luật; thời gian đạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển.

✓ Ưu tiên xét tuyển vào tất cả các ngành:

- Thi sinh đạt giải các môn Tin học, Toán, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Tiến Anh, Tiến Nhật trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thời gian đạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển;

• Thí sinh đạt giải trong Cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia đã tốt nghiệp THPT; thời gian đạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển;

➢ Thời gian đăng ký xét tuyển (ĐKXT): dự kiến 15/5/2024-15/6/2024

➢ Cách thức đăng ký: theo thông báo tuyển sinh của Trường

➢ Hồ sơ đăng ký xét tuyển: theo thông báo tuyển sinh của Trường

➢ Công bố kết quả: theo kế hoạch của Bộ GD&ĐT

➢ Thời gian xác nhận nhập học trực tuyến trên hệ thống chung của Bộ GD&ĐT: theo kế hoạch tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

❖ Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSĐT- Mã phương thức xét tuyển: 303 (Ưu tiên xét tuyển thẳng (UTXTT) thí sinh giỏi, tài năng của trường trung học phổ thông theo quy định ĐHQG-HCM)

➢ Mục tiêu:

- Tuyển được học sinh giỏi trường THPT vào những ngành/nhóm ngành phù hợp.

- Tăng thêm cơ hội, nguyện vọng cho học sinh giỏi vào học tại ĐHQG-HCM.

- Thực hiện chủ trương công bằng xã hội trong chính sách tuyển sinh của ĐHQG-HCM.

➢ Đối tượng: Áp dụng cho tất cả các trường THPT trên cả nước (bao gồm trường Tiểu học-THCS-THPT, trường THCS-THPT và trường THPT, không bao gồm Trung tâm Giáo dục thường xuyên).

➢ Điều kiện: Hiệu trưởng/Ban Giám hiệu giới thiệu 01 thí sinh giỏi nhất trường THPT theo các tiêu chí sau:

✓ Đảm bảo 02 tiêu chí chính:

o Học lực Giỏi và hành kiểm Tốt trong 3 năm THPT

o Và có điểm trung bình cộng 3 năm THPT thuộc nhóm 3 học sinh cao nhất.

✓ Các tiêu chí kết hợp:

o Giấy chứng nhận hoặc giấy khen đạt giải thưởng học sinh giỏi cấp Tỉnh/Thành phố giải Nhất, Nhì, Ba (chọn giải thưởng cao nhất đạt được ở THPT).

o Các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế.

o Giấy chứng nhận hoặc giấy khen, hồ sơ khác liên quan đến thành tích học tập, rèn luyện trong quá trình học THPT.

➢ Thời gian đăng ký xét tuyển (ĐKXT): thông báo tuyển sinh của Trường.

➢ Cách thức đăng ký: theo quy định của ĐHQG-HCM và thông báo tuyển sinh của Trường.

➢ Hồ sơ đăng ký xét tuyển: theo quy định của ĐHQG-HCM và thông báo tuyển sinh

của Trường.

➢ Thời gian xét tuyển, lộc ảo và công bố kết quả: theo kế hoạch của ĐHQG

➢ Thời gian xác nhận nhập học trực tuyến trên hệ thống chung của Bộ GD&ĐT: theo kế hoạch tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

Lưu ý: Thi sinh đủ điều kiện trúng tuyển (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT) phải tự xác định thứ tự ưu tiên các nguyện vọng khi đăng ký trên Hệ thống chung của Bộ GD&ĐT (Hệ thống) (tùy thuộc thi sinh muốn được công nhận trúng tuyển nguyện vọng đó hay muốn mở rộng cơ hội trúng tuyển nguyện vọng khác).

➢ Xét kết hợp giữa tuyển thẳng theo Đề án và các phương thức xét tuyển: 302 (Ưu tiên xét tuyển theo quy định của ĐHQG-HCM)

➢ Đối tượng: học sinh của 83 trường chuyên, năng khiếu của các trường đại học thuộc các tỉnh, thành trên toàn quốc; học sinh của 66 trường THPT đạt các tiêu chí sau:

- Trường THPT có số lượng thí sinh trúng tuyển, nhập học nhiều vào ĐHQG-HCM.

- Trường THPT có số lượng cụ thể học sinh đạt kết quả học tập cao khi học đại học tại ĐHQG-HCM.

- Phân bổ số lượng trường theo hướng ưu tiên khu vực tuyển sinh hoặc tỉnh/thành có số lượng thí sinh đăng ký, trúng tuyển nhiều vào ĐHQG-HCM giai đoạn 2018 – 2020.

➢ Điều kiện:

- Tốt nghiệp THPT năm 2024.

- Có hành kiểm tốt trong 3 năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 và đáp ứng một trong các điều kiện sau:

o Học sinh của 83 trường chuyên, năng khiếu của các trường đại học thuộc các tỉnh, thành trên toàn quốc đạt tốt nghiệp 2 năm học sinh giỏi trong các năm học ở bậc THPT (lớp 10, 11, 12).

o Học sinh của 66 trường trung học phổ thông theo danh sách do ĐHQG-HCM công bố đạt 3 năm học sinh giỏi ở bậc THPT (lớp 10, 11, 12).

o Là thành viên đội tuyển của trường hoặc tỉnh tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia môn Tin học, Toán, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Tiến Anh, Tiến Nhật.

➢ Tiêu chí xét tuyển:

- Điểm học tập: điểm trung bình 3 năm THPT của tổ hợp môn mà thí sinh đăng ký xét tuyển.

- Điểm ưu tiên:

+ Điểm UIT Code Contest

Lưu ý: Điểm UIT Code Contest là điểm quy đổi theo quy định của Trường dành cho thí sinh có tham gia cuộc thi UIT Code Contest do Trường ĐH CNTT tổ

Cách thức đăng ký xét tuyển: theo quy định ĐHQG-HCM và thông báo tuyển sinh của Trường.

Hồ sơ đăng ký xét tuyển: theo quy định của ĐHQG-HCM và thông báo tuyển sinh của Trường.

Số nguyện vọng DKXT: không giới hạn nguyện vọng vào Trường/Khoa/Phân hiệu (đơn vị), không giới hạn số đơn vị (có phân biệt thứ tự nguyện vọng).

Thời gian DKXT: dự kiến 15/5/2024-15/6/2024.

Thời gian xét tuyển, lọc ảo và công bố kết quả: theo kế hoạch của ĐHQG.

Thời gian xác nhận nhập học trực tuyến trên hệ thống chung của Bộ GD&ĐT: theo kế hoạch tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

Lưu ý: Thí sinh dự điều kiện trường tuyển (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT) phải tự xác định thứ tự ưu tiên các nguyện vọng khi đăng ký trên Hệ thống chung của Bộ GD&ĐT (Hệ thống) (tuy thuộc thí sinh muốn được công nhận trường nguyện vọng đó hay muốn mở rộng cơ hội trường nguyện vọng khác).

Ưu tiên xét tuyển thẳng theo Đề án của CSDL- Mẫu phương thức xét tuyển: 304 (Ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định của Trường ĐH.CNTT)

✓ Ưu tiên xét tuyển thẳng vào tất cả các ngành

Đối tượng:

- Thí sinh đạt giải đặc biệt, giải 1, 2, 3 kỳ thi Olympic Tin học sinh viên Việt Nam/ Olympic phân mềm mà nguồn mở (Procon) năm 2022, 2023.

- Thí sinh đạt giải đặc biệt, giải 1, 2, 3 Kỳ thi “Lập trình Châu Á - ICPC Asia” (cấp quốc gia) năm 2022, 2023.

- Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba từ kỳ thi thăng trố lên trong cuộc thi “Đường lên đỉnh Olympia” năm 2022, 2023.

- Thí sinh đạt huy chương vàng/bạc/đồng ở các giải thể thao quốc tế chính thức, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á; thí sinh đạt giải vô địch cờ vua/cờ tướng quốc tế. Thời hạn được tính để hưởng ưu tiên không quá 3 năm tính đến ngày xét tuyển vào Trường. Điểm trung bình kết quả học tập THPT các môn trong tổ hợp xét tuyển ≥ 7.0.

- Đối với những ngành sử dụng tổ hợp xét tuyển có môn Tiến Anh, Tiến Nhật (tổ hợp A01, D01, D06, D07): có sử dụng kết quả thi Olympic quốc tế môn Ngữ văn (Tiến Anh hoặc Tiến Nhật) theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT: Điểm quy đổi xét tuyển là 10.

- Thi sinh có chứng chỉ Tiến Nhật JLPT từ cấp độ N3 trở lên: Điểm quy đổi xét tuyển là 10.

- Thi sinh có chứng chỉ Tiến Anh tương ứng được quy đổi theo bảng sau:

Chứng chỉ IELTS: ≥ 6.0 Chứng chỉ TOEFL iBT: ≥ 71 Chứng chỉ TOEFL ITP: ≥ 560 Điểm quy đổi: 10

Chứng chỉ IELTS: 5.5 Chứng chỉ TOEFL iBT: 60 - 70 Chứng chỉ TOEFL ITP: 530 - 559 Điểm quy đổi: 9.5

Chứng chỉ IELTS: 5.0 Chứng chỉ TOEFL iBT: 50 - 59 Chứng chỉ TOEFL ITP: 500 - 529 Điểm quy đổi: 9

Chứng chỉ IELTS: 4.5 Chứng chỉ TOEFL iBT: X Chứng chỉ TOEFL ITP: X Điểm quy đổi: 8

➢ Thời gian ĐKXT: theo kế hoạch tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

➢ Thời gian nộp hồ sơ: theo kế hoạch tuyển sinh của Bộ GD&ĐT

➢ Thời gian xác nhận nhập học trực tuyến trên hệ thống chung của Bộ GD&ĐT: theo kế hoạch tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

1.7.3 Phương thức 3: Xét tuyển dựa trên các chứng chỉ quốc tế uy tín

- Chỉ sử dụng chứng chỉ quốc tế để xét tuyển: 408 (Chứng chỉ quốc tế đánh giá kiến thức khoa học tự nhiên, xã hội)

➢ Điều kiện:

- Nhóm đối tượng 1 (xét tuyển vào tất cả các ngành): thí sinh người Việt Nam tốt nghiệp THPT Việt Nam hoặc nước ngoài.

- Nhóm đối tượng 2 (chi xét tuyển vào chương trình tiên tiến ngành Hệ thống Thông tin - học bằng Tiến Anh): thí sinh người nước ngoài tốt nghiệp THPT nước ngoài.

➢ Điều kiện:

- Có hành kiểm tốt và tốt thi đua danh hiệu học sinh khá (hoặc tương đương) trong các năm học THPT.

- Có chứng chỉ quốc tế thỏa một trong những điều kiện sau:

- Chứng chỉ SAT có điểm từ 510 trở lên cho mỗi phần thi.

- Chứng chỉ ACT có điểm trung bình từ 21 trở lên.

- AS/A level có điểm từ C-A cho mỗi môn thi.

- Tự tài quốc tế (IB) có tổng điểm từ 21 trở lên.

- Các văn bằng, chứng chỉ quốc tế uy tín khác được Hội đồng tuyển sinh chấp thuận.

Lưu ý: các thí sinh có bằng tốt nghiệp THPT do cơ sở giáo dục nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam hoặc cơ sở giáo dục hoạt động hợp pháp ở nước ngoài cấp thi văn bằng phải được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Hồ sơ đăng ký xét tuyển: theo thông báo tuyển sinh của Trường

- Cách thức đăng ký xét tuyển: theo thông báo tuyển sinh của Trường

- Số nguyện vọng ĐKKT: tối đa 03 nguyện vọng vào Trường (có phân biệt thứ tự nguyện vọng).

- Thời gian ĐKKT: dự kiến từ ngày 15/05/2024-15/06/2024.

- Xét tuyển và công bố kết quả: theo kế hoạch tuyển sinh của ĐHQG.

- Thời gian xác nhận nhập học trực tuyến trên hệ thống chung của Bộ GD&ĐT: theo kế hoạch tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

Lưu ý: Thời gian dự định trình tuyển (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT) phải tự xác định thứ tự ưu tiên các nguyện vọng khi đăng ký trên Hệ thống chung của Bộ GD&ĐT (Hệ thống) (tùy thuộc thí sinh muốn được công nhận trong tuyển nguyện vọng đó hay muốn mở rộng cơ hội trúng tuyển nguyện vọng khác).

STT: 1 Lĩnh vực / Ngành đào tạo: Kinh doanh và quản lý Trình độ đào tạo: Đại học Chỉ tiêu tuyển sinh: 110 Số SV trúng tuyển nhập học: 96 Số SV tốt nghiệp: 29 Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp (khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh): 0

STT: 1.1 Lĩnh vực / Ngành đào tạo: Thương mại điện tử Trình độ đào tạo: Đại học Chỉ tiêu tuyển sinh: 110 Số SV trúng tuyển nhập học: 96 Số SV tốt nghiệp: 29 Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp (khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh): 0

STT: 2 Lĩnh vực / Ngành đào tạo: Máy tính và công nghệ thông tin Trình độ đào tạo: Đại học Chỉ tiêu tuyển sinh: 1620 Số SV trúng tuyển nhập học: 1638 Số SV tốt nghiệp: 1175 Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp (khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh): 0

STT: 2.1 Lĩnh vực / Ngành đào tạo: Khoa học máy tính Trình độ đào tạo: Đại học Chỉ tiêu tuyển sinh: 240 Số SV trúng tuyển nhập học: 250 Số SV tốt nghiệp: 190 Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp (khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh): 95.8

Điều kiện:

- Có hành kiểm tốt và tốt thiếu đạt danh hiệu học sinh khá (hoặc tương đương) trong các năm học THPT.

- Điểm trung bình 3 năm THPT của mỗi môn học trong tổ hợp xét tuyển thí sinh đăng ký ≥ 8.0.

- Có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế thỏa bằng sau:

Chứng chỉ IELTS: ≥ 6.5 Chứng chỉ TOEFL iBT: ≥65 Chứng chỉ JLPT: ≥N3

Nguyên tắc xét tuyển:

- Tối đa 03 nguyện vọng đăng ký xét tuyển, việc xét tuyển được thực hiện theo thứ tự ưu tiên của các nguyện vọng; thí sinh chỉ trúng tuyển vào 01 nguyện vọng ưu tiên cao nhất có thể trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký.

- Thi sinh thực hiện video theo chủ đề cho trước.

- Điểm xét tuyển bao gồm: Điểm học tập, Điểm chứng chỉ ngoại ngữ, Điểm video và Điểm ưu tiên (nếu có).

Trong đó: Điểm học tập dùng để xét tuyển là tổng điểm trung bình 3 năm THPT của 3 môn học trong tổ hợp xét tuyển thì sinh đăng ký theo thang điểm 10 được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

- Điểm quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ

Chứng chỉ IELTS: ≥ 6.5 Chứng chỉ TOEFL iBT: ≥ 65 Chứng chỉ JLPT: X Điểm quy đổi: 8

Chứng chỉ IELTS: ≥ 7 Chứng chỉ TOEFL iBT: ≥ 70 Chứng chỉ JLPT: N3 Điểm quy đổi: 9

Chứng chỉ IELTS: ≥ 7.5 Chứng chỉ TOEFL iBT: ≥ 75 Chứng chỉ JLPT: N2 Điểm quy đổi: 10

- Điểm ưu tiên: điểm UIT Code Contest.

Lưu ý: Điểm UIT Code Contest là điểm quy đổi theo quy định của Trường dành cho thí sinh có tham gia cuộc thi UIT Code Contest do Trường ĐH CNTT tổ chức và được cấp giấy chứng nhận (thời hạn được tính không quá 2 năm tính đến ngày xét tuyển vào Trường).

- Thời gian có thể được mở phỏng vấn.

- Hộ sở đăng ký xét tuyển: theo thông báo tuyển sinh của Trường

- Cách thức đăng ký xét tuyển: Theo thông báo tuyển sinh của Trường

- Số nguyện vọng ĐKKT: không giới hạn nguyện vọng vào Trường (có phân biệt thứ tự nguyện vọng).

- Thời gian ĐKKT: dự kiến 15/5/2024-15/6/2024.

- Xét tuyển và công bố kết quả: theo kế hoạch tuyển sinh của ĐHQG.

- Thời gian xác nhận nhập học trực tuyến trên hệ thống chung của Bộ GD&ĐT: theo kế hoạch tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

Lưu ý: Thời gian dự kiến trình tuyển (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT) phải tự xác định thứ tự ưu tiên các nguyện vọng khi đăng ký trên Hệ thống chung của Bộ GD&ĐT (Hệ thống) (tuy thuộc thí sinh muốn được công nhận trường nguyện vọng do hay muốn mở rộng cơ hội trường tuyển nguyện vọng khác).

1.7.4 Phương thức 4: Xét tuyển theo tiêu chí riêng của chương trình liên kết với Đại học Birmingham City – Anh Quốc, do ĐH Birmingham City cấp bằng (không tính vào tổng chỉ tiêu tuyển sinh)

- Ngành Khoa học máy tính chương trình BCU: 60 chỉ tiêu tuyển sinh.

- Ngành Mạng máy tính và an toàn thông tin chương trình BCU: 60 chỉ tiêu tuyển sinh.

Đối tượng và điều kiện ngoại ngữ đầu vào:

- Nhóm đối tượng 1: Học 3,5 năm (7 học kỳ)

- Là học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương, tham gia cả hai giai đoạn (3,5 năm).

- Trình độ Tiến Anh:

o Ngoại ngữ đầu vào cần đạt trình độ IELTS 5.5, hoặc có chứng chỉ Tiến Anh quốc tế tương đương, hoặc có chứng chỉ Tiến Anh bậc 4 (B2) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc trình độ Tiến Anh tương đương B2 theo Khung Tham chiếu Châu Âu (CEFR).

o Đối với thí sinh đã học và tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương tại cơ sở giáo dục nước ngoài bằng Tiến Anh thì không cần xét trình độ ngoại ngữ.

- Đối với những sinh viên chưa có chứng chỉ Tiến Anh nên trên sẽ trung tuyển diện dự bị. Sinh viên phải tham gia kỳ thi Tiến Anh đầu vào do Trường phối hợp với các đơn vị, Trung tâm hoặc Trường có uy tín trong việc đào tạo Tiến Anh tổ chức. Căn cứ vào kết quả thi này, những sinh viên đạt chuẩn tương đương trình độ IELTS 5.5 sẽ được vào học cùng với sinh viên chính thức nhưng kết quả học tập chỉ được công nhận khi sinh viên đạt chứng chỉ Tiến Anh đầu vào theo quy định để được chuyển sang trường tuyển chính thức. Sinh viên dự bị phải tự học Tiến Anh hoặc học những lớp bồi dưỡng Tiến Anh do Trường tổ chức.

- Nhóm đối tượng 2: học 2 học kỳ cuối, bao gồm một trong các đối tượng sau:

- Thi sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông và có văn bằng HND mức độ 5 (Higher National Diploma level 5 của Anh) hoặc tương đương các ngành/chuyên ngành như Máy tính, Khoa học máy tính, Công nghệ thông tin, Hệ thống thông tin, Kỹ thuật phần mềm, Phát triển phần mềm, Kỹ thuật mạng, Mạng máy tính, Phần mềm dữ liệu, Khoa học dữ liệu, An toàn thông tin, Hệ thống thông minh, Phát triển ứng dụng.

- Thi sinh có bằng Cao đẳng cấp bồi các trường đại học/cao đẳng tại Việt Nam hoặc quốc tế (tương đương với văn bằng HND mức độ 5) ngành/chuyên ngành phù hợp với ngành tuyển sinh.

- Thi sinh hoàn thành 2 năm đầu Chương trình Chất lượng cao/tiền tiến/chương trình chuẩn tại UIT.

Ngoài ra, thí sinh phải đạt trình độ Tiến Anh tối thiểu IELTS 6.0 (không có kỳ năng nảo dưới 5.5), hoặc có chứng chỉ Tiến Anh quốc tế tương đương được BCU chấp nhận (chứng chỉ Tiến Anh bậc 4 (B2) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (VSTEP), hoặc trình độ Tiến Anh tương đương B2 theo Khung Tham chiếu Châu Âu (CEFR), hoặc tốt nghiệp chương trình cử nhân, cao đẳng giáng day hoặc toàn bằng Tiến Anh, hoặc tốt nghiệp cử nhân chính quy ngành Tiến Anh).

-------------------------------------------------------------

Hồ sơ đăng ký xét tuyển: Theo thông báo tuyển sinh của Trường

1. Thông tin chung (tính đến thời điểm xây dựng kế hoạch tuyển sinh)

1.1. Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Công nghệ Thông tin – ĐHQG.HCM

1.2. Mã trường: QSC

1.3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu):

Khu phố 6, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, TP. HCM

1.4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo:

www.uit.edu.vn

1.5. Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo (có thông tin tuyển sinh):

https://www.facebook.com/TuyenSinh.UIT/

https://www.facebook.com/UIT.Fanpage/

1.6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0908831246

1.7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của CSĐT: www.uit.edu.vn/

STT: 1 Lĩnh vực / Ngành đào tạo: Kinh doanh và quản lý Trình độ đào tạo: Đại học Chỉ tiêu tuyển sinh: 110 Số SV trúng tuyển nhập học: 96 Số SV tốt nghiệp: 29 Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp (khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh): 0

STT: 1.1 Lĩnh vực / Ngành đào tạo: Thương mại điện tử Trình độ đào tạo: Đại học Chỉ tiêu tuyển sinh: 110 Số SV trúng tuyển nhập học: 96 Số SV tốt nghiệp: 29 Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp (khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh): 0

STT: 2 Lĩnh vực / Ngành đào tạo: Máy tính và công nghệ thông tin Trình độ đào tạo: Đại học Chỉ tiêu tuyển sinh: 1620 Số SV trúng tuyển nhập học: 1638 Số SV tốt nghiệp: 1175 Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp (khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh): 0

STT: 2.1 Lĩnh vực / Ngành đào tạo: Khoa học máy tính Trình độ đào tạo: Đại học Chỉ tiêu tuyển sinh: 240 Số SV trúng tuyển nhập học: 250 Số SV tốt nghiệp: 190 Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp (khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh): 95.8

1.8.3. Đối tượng 3: ưu tiên xét tuyển theo quy định của ĐHQG-HCM.

Ưu tiên xét tuyển vào tất cả các ngành: học sinh của 83 trường chuyên, năng khiếu của các trường đại học thuộc các tỉnh, thành trên toàn quốc; học sinh của 66 trường THPT đạt các tiêu chí sau:

- Trường THPT có số lượng thí sinh trúng tuyển, nhập học nhiều vào ĐHQG-HCM.

- Trường THPT có số lượng cử nhân học sinh đạt kết quả học tập cao khi học đại học tại ĐHQG-HCM.

- Phân bổ số lượng trường theo hướng ưu tiên khu vực tuyển sinh hoặc tỉnh/thành có số lượng thí sinh đăng ký, trường tuyển nhiều vào ĐHQG-HCM giai đoạn 2018 – 2020.

1.8.4. Đối tượng 4: Ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định của Trường ĐH.CNTT

- Thí sinh đạt giải đặc biệt, giải 1, 2, 3 kỳ thi Olympic Tin học viên Việt Nam/Olympic phần mềm mã nguồn mở (Procon).

- Thí sinh đạt giải đặc biệt, giải 1, 2, 3 Kỳ thi “Lập trình Châu Á - ICPC Asia (cấp quốc gia).

- Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba từ kỳ thi thẳng trở lên trong cuộc thi “Đường lên đỉnh Olympia”.

- Thí sinh đạt huy chương vàng/bạc/đồng ở các giải thể thao quốc tế chính thức, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thế thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội

Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á; thí sinh đạt giải vô địch cờ vua/cờ tướng trẻ quốc gia.

1.9. Lệ phí xét tuyển/ thi tuyển: theo quy định.

1.10. Học phí dự kiến, lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm

STT: 1 Hệ đào tạo: Chính quy 2024-2025: 32.800.000 2025-2026: 37.000.000 2026-2027: 41.800.000 2027-2028: 45.000.000

STT: 2 Hệ đào tạo: Chương trình tiến tiến 2024-2025: 50.000.000 2025-2026: 50.000.000 2026-2027: 55.000.000 2027-2028: 60.000.000

STT: 5 Hệ đào tạo: Chương trình liên kết BCU (3.5 năm) 2024-2025: 80.000.000 2025-2026: 80.000.000 2026-2027: 150.000.000

STT: 6 Hệ đào tạo: Chương trình liên kết BCU (1 năm) 2024-2025: 140.000.000

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm: Đợt 1 theo kế hoạch của Bộ GD&ĐT và ĐHQG-HCM

1.12. Việc CSDL thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro: thực hiện theo quy định

-------------------------------------------------------------

II. Tuyển sinh đào tạo chính quy

1.13. Thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

1.13.1. Thông tin về doanh nghiệp hợp tác đào tạo.

STT: 1 Doanh nghiệp: Công ty cổ phần dịch vụ Công nghệ Tin học HPT Năm bắt đầu hợp tác: 28/4/2022 Năm kết thúc hợp tác: 28/4/2025 (03 năm) Nội dung hợp tác: 1. Hợp tác trong nghiên cứu và triển khai (R&D): triển khai các hoạt động chia sẻ thông tin về nhu cầu thị trường, tham gia đánh giá các nghiên cứu của nhà trường từ góc độ thị trường, thực hiện một số hoạt động nghiên cứu triển khai phục vụ thị trường với sự tham gia hỗ trợ của UIT.

2. Hợp tác trong đào tạo: Với định hướng nâng cao chất lượng, uy tín đào tạo của UIT thông qua khả năng tìm được việc và mức thu nhập của sinh viên tốt nghiệp, Trường UIT và Công ty HPT tổ chức các hoạt động kiến tập, thực tập cho sinh viên, học viên của Trường tại HPT.

3. Hợp tác trong phát triển sản phẩm: Hai bên hợp tác trong việc phát triển và thương mại hóa sản phẩm về Phần mềm, Sản phẩm nhưng và An toàn thông tin. Hợp tác trong các hoạt động thực hiện: sử dụng các dịch vụ của nhau trong khuôn khổ quy định của pháp luật và năng lực, nguyên tắc hoạt động của mỗi bên. |

STT: 2 Doanh nghiệp: ROSEN Năm bắt đầu hợp tác: 30/8/2022 Năm kết thúc hợp tác: 31/12/2025 Nội dung hợp tác: 1. Kéo dài thời hạn Hợp đồng đã ký ngày 01 tháng 01 năm 2019 tới ngày 31/12/2025.

2. Những điều khoản và điều kiện khác của Hợp đồng giữ nguyên không đổi.

Phụ lục này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một phần không thể tách rời của Hợp đồng. |

STT: 3 Doanh nghiệp: Naver Năm bắt đầu hợp tác: 25/7/2022 Năm kết thúc hợp tác: 25/7/2025 (03 năm) Nội dung hợp tác: Hai Bên hợp tác triển khai các hoạt động và sự kiện với mục tiêu là mang lại lợi ích đến sinh viên và giảng viên của UIT, bao gồm:

- Chia sẻ cơ sở vật chất đào tạo cho mục đích giảng dạy và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực hai bên có quan tâm.

- Hỗ trợ tư vấn chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu của xã hội.

- Phối hợp tổ chức các chương trình hội thảo, trao đổi học thuật, thực tập và làm việc cho sinh viên.

- Tài trợ học bổng cho sinh viên: Đối tượng và điều kiện xét tuyển sẽ được hai bên trao đổi bằng văn bản/ email sau.

- Tổ chức các hoạt động CNTT tại UIT.

Cần cụ thể nội dung hợp tác trên, hai Bên sẽ xây dựng kế hoạch hoạt động theo từng năm và thực hiện theo kế hoạch này. |

STT: 4 Doanh nghiệp: Sun Asterisk Năm bắt đầu hợp tác: 30/11/2022 Năm kết thúc hợp tác: 30/11/2024 (02 năm) Nội dung hợp tác: Hai bên hợp tác vi mục tiêu phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin hướng tới thị trường Nhật Bản. Với các mục tiêu chính như sau:

1. Hỗ trợ vận hành khóa học Tiến Nhật theo chuẩn đầu ra của Chương trình Cử nhân Công nghệ Thông tin Định hướng Nhật Bản.

2. Hỗ trợ giới thiệu văn hóa Nhật Bản, triển khai các hoạt động để thúc đẩy động lực cho sinh viên tham gia Chương trình này. |

1.13.2. Các thông tin triển khai áp dụng cơ chế đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học.

b. Tổng số chỉ tiêu tuyển sinh theo quy định chung; tổng số chỉ tiêu tuyển sinh tăng thêm theo quy định đặc thù

Chỉ tiêu tuyển sinh của các ngành năm 2024

STT: 1 Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo: Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học Mã ngành: 1500

STT: 1.1 Ngành: Khoa học máy tính - Mã ngành: 7480101 - Tổng số chỉ tiêu tuyển sinh theo quy định chung: 240 - Tổng số chỉ tiêu tuyển sinh tuyển sinh tăng thêm theo quy định đặc thù: 96

STT: 1.2 Ngành: Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu - Mã ngành: 7480102 - Tổng số chỉ tiêu tuyển sinh tuyển sinh theo quy định chung: 190 - Tổng số chỉ tiêu tuyển sinh tăng thêm theo quy định đặc thù: 76

STT: 1.3 Ngành: Kỹ thuật phần mềm - Mã ngành: 7480103 - Tổng số chỉ tiêu tuyển sinh theo quy định chung: 220 - Tổng số chỉ tiêu tuyển sinh tăng thêm theo quy định đặc thù: 88

STT: 1.4 Ngành: Hệ thống thông tin - Mã ngành: 7480104 - Tổng số chỉ tiêu tuyển sinh theo quy định chung: 225 - Tổng số chỉ tiêu tuyển sinh tăng thêm theo quy định đặc thù: 90

STT: 1.5 Ngành: Kỹ thuật máy tính - Mã ngành: 7480106 - Tổng số chỉ tiêu tuyển sinh theo quy định chung: 195 - Tổng số chỉ tiêu tuyển sinh tăng thêm theo quy định đặc thù: 78

STT: 1.6 Ngành: Khoa học dữ liệu - Mã ngành: 7460108 - Tổng số chỉ tiêu tuyển sinh theo quy định chung: 55 - Tổng số chỉ tiêu tuyển sinh tăng thêm theo quy định đặc thù: 22

STT: 1.7 Ngành: Công nghệ thông tin - Mã ngành: 7480201 - Tổng số chỉ tiêu tuyển sinh theo quy định chung: 220 - Tổng số chỉ tiêu tuyển sinh tăng thêm theo quy định đặc thù: 88

STT: 1.8 Ngành: An toàn thông tin - Mã ngành: 7480202 - Tổng số chỉ tiêu tuyển sinh theo quy định chung: 155 - Tổng số chỉ tiêu tuyển sinh tăng thêm theo quy định đặc thù: 62

STT: 2 Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo: Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học) Mã ngành: 150

STT: 2.1 Ngành: Thương mại điện tử - Mã ngành: 7340122 - Tổng số chỉ tiêu tuyển sinh theo quy định chung: 110 - Tổng số chỉ tiêu tuyển sinh tăng thêm theo quy định đặc thù: 0

STT: 2.2 Ngành: Trí tuệ nhân tạo - Mã ngành: 7480107 - Tổng số chỉ tiêu tuyển sinh theo quy định chung: 40 - Tổng số chỉ tiêu tuyển sinh tăng thêm theo quy định đặc thù: 0

1.14. Tài chính:

1.14.1. Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 348 tỷ đồng.

1.14.2. Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 43.000.000 đồng

1.15. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành): Không có

-------------------------------------------------------------

2. Tuyển sinh đào tạo đại học, cao đẳng chính quy với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên

2.1 Tuyển sinh đào tạo đại học chính quy đối với đối tượng đã có bằng đại học

1.1 Đối tượng, điều kiện tuyển sinh:

- Là công dân Việt Nam có đủ sức khỏe và không trong thời gian can án hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Đã có bằng tốt nghiệp Đại học. Trường hợp văn bằng thứ nhất do cơ sở giáo dục nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam hoặc cơ sở giáo dục hoạt động hợp pháp ở nước ngoài cấp thì vẫn bằng phải được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.2. Phạm vi tuyển sinh: Cả nước

1.3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

1.4. Chi tiêu tuyển sinh: Chi tiêu theo ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

STT: 1 Trình độ đào tạo: ĐH Mã ngành xét tuyển: 7480201 Tên ngành xét tuyển: Công nghệ thông tin Mã phương thức xét tuyển: 50 Tên phương thức xét tuyển: 1485/QĐ-ĐHQG Chi tiêu (đủ kiện): 25/11/2019 Số văn bản quy định: ĐHQG-HCM Ngày thăng năm ban hành văn bản: 2019

1.5. Nguồn đầu vào:

- Điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT: Đã có bằng tốt nghiệp đại học.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường:

- Tiêu chí xét tuyển: Bằng tốt nghiệp Đại học (Điều kiện bắt buộc).

- Tiêu chí phụ:

- Ngành tốt nghiệp văn bằng thứ nhất

- Điểm trung bình tích lũy toàn khóa

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thí tuyển; các điều kiện xét tuyển/thí tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo.

- Điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT: Đã có bằng tốt nghiệp đại học.

- Đăng ký và nộp hồ sơ dự tuyển:

- Thời gian đăng ký thông tin dự tuyển tại cổng tuyển sinh Trường ĐH. CNTT (https://tuyensinh.uit.edu.vn/dangkyvbb2)

- Địa điểm nộp hồ sơ: Trường ĐH Công nghệ Thông tin – Đại học Quốc gia TP.HCM, Khu phố 6, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, TP. HCM.

- Thời gian nộp hồ sơ ĐKXT: Theo thông báo tuyển sinh của Trường.

1.8. Chinh sách ưu tiên: Không có

1.9. Lệ phí xét tuyển/thí tuyển: 100.000 đồng/hộ sở.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lô trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

- Lô trình tăng học phí tối đa cho từng năm:

STT: 1 Hệ đào tạo: Văn bằng 2 Học phí dự kiến năm học 2024-2025 (đồng/năm học): 40.000.000 Học phí dự kiến năm học 2025-2026 (đồng/năm học): 40.000.000

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm: theo thông báo tuyển sinh của Trường.

1.12. Việc CSTD thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết, khiếu nại, báo về quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro: Theo quy định.

1.13. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành): Không có.

2.2 Tuyển sinh đào tạo đại học chính quy đối với đối tượng đã có bằng cao đẳng

1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh:

- Là công dân Việt Nam có đủ sức khỏe và không trong thời gian can án hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Đã có bằng tốt nghiệp cao đẳng cùng ngành, ngành đúng hoặc ngành gần theo quy định của Trường ĐHCNTT. Trường hợp bằng tốt cao đẳng do cơ sở giáo dục nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam hoặc cơ sở giáo dục hoạt động hợp pháp ở nước ngoài cấp thì vẫn bằng được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.2. Phạm vi tuyển sinh: Cả nước

1.3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

1.4. Chi tiêu tuyển sinh: Chi tiêu theo ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo:

STT: 1 Trình độ đào tạo: ĐH Mã ngành xét tuyển: 7480201 Tên ngành xét tuyển: Công nghệ thông tin Mã phương thức xét tuyển: 30 Tên phương thức xét tuyển: 115/QĐ-ĐHCNTT-DTĐH Chỉ tiêu (đự kiến): 18/6/2013 Số văn bản quy định: ĐH.CNTT Ngày tháng năm ban hành văn bản: 2021

1.5. Nguồn đầu vào:

Điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng ngành đúng hoặc ngành gần theo quy định của Trường ĐHCNTT.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường:

- Tiêu chí xét tuyển: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng ngành đúng hoặc ngành gần (Điều kiện bắt buộc).

- Tiêu chí phụ:

- Ngành tốt nghiệp cao đẳng

- Điểm trung bình tích lũy toàn khóa

1.7. Tố chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo.

- Điều kiện nhận hồ sơ ĐKKT: Đã Bằng tốt nghiệp Cao đẳng ngành dùng hoặc ngành gần theo quy định của Trường ĐHCNTT.

- Đăng ký và nộp hồ sơ dự tuyển: Theo thông báo tuyển sinh của Trường ĐH.CNTT.

1.8. Chính sách ưu tiên: Không có

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển: 100.000 đồng/hộ sở.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

- Lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm:

STT: 1 Hệ đào tạo: Liên thông đại học Học phí dự kiến năm học 2024-2025 (đồng/năm học): 40.000.000 Học phí dự kiến học kỳ cuối (đồng/ năm học): 20.000.000 (1 HK)

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm: theo thông báo tuyển sinh.

1.12. Việc CSTD thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết, khiếu nại, báo về quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro: Theo quy định.

1.13. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành): Không có

-------------------------------------------------------------

III. Tuyển sinh đào tạo từ xa: (Mẫu số 02)

Đường link công khai tuyển sinh đào tạo từ xa trên trang thông tin điện tử của CSTD: https://www.citd.vn/thong-bao-tuyen-sinh-cu-nhan-cong-nghe-thong-tao-tu-xa-nam-2024

Mẫu số 02: Tuyển sinh đào tạo từ xa

IV. Tuyển sinh đào tạo từ xa

Đường link công khai: Tuyển sinh | Trung Tâm Phát Triển Công Nghệ Thông Tin - CITD

1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh:

- Là công dân Việt Nam có đủ sức khỏe và không trong thời gian can án hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Đã tốt nghiệp THPT, Cao đẳng ngành dùng hoặc ngành gần theo quy định của Trường ĐH CNTT, Đại học. Trường hợp vẫn bằng do có số giáo dục nước ngoài hoạt động hợp pháp ở nước ngoài cấp thi vẫn bằng phải được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.2. Phạm vi tuyển sinh: cả nước

1.3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo.

STT: 1 Trình độ đào tạo: ĐH Mã ngành xét tuyển: 7480201 Tên ngành xét tuyển: Công nghệ thông tin Mã phương thức xét tuyển: 800 Tên phương thức xét tuyển: 947/QD-ĐHQG-DT Chỉ tiêu (dự kiến): 19/10/2006 Số văn bản đào tạo từ xa: ĐHQG-HCM Ngày tháng năm ban hành văn bản: 2001

STT: 2 Trình độ đào tạo: ĐH Mã ngành xét tuyển: 7480107 Tên ngành xét tuyển: Trí tuệ nhân tạo Mã phương thức xét tuyển: 200 Ngày tháng năm ban hành văn bản: 2024 (dự kiến)

1.5. Người đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận ĐKXT:

- Chương trình văn bằng 1: Đã tốt nghiệp THPT.

- Chương trình văn bằng 2: Đã tốt nghiệp đại học

- Chương trình liên thông đại học: Đã tốt nghiệp cao đẳng ngành dùng hoặc ngành gần theo quy định của Trường ĐH CNTT

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường:

- Đối với chương trình văn bằng 1:

- Tiêu chí xét tuyển: Bằng tốt nghiệp THPT (Điều kiện bắt buộc)

- Tiêu chí phụ:

- Kết quả học tập lớp 12

- Điểm các môn thi tốt nghiệp THPT

- Đối với chương trình liên thông đại học:

- Tiêu chí xét tuyển: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng ngành dùng hoặc ngành gần (Điều kiện bắt buộc).

- Tiêu chí phụ:

- Ngành tốt nghiệp cao đẳng

- Điểm trung bình tích lũy toàn khóa

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển.

- Điều kiện nhận hồ sơ DKXT:

- Chương trình văn bằng thứ nhất: Đã tốt nghiệp THPT.

- Chương trình văn bằng thứ hai: Đã tốt nghiệp đại học.

- Chương trình liên thông đại học: Đã tốt nghiệp cao đẳng ngành dùng hoặc ngành gần theo quy định của Trường ĐH CNTT.

- Đăng ký và nộp hồ sơ dự tuyển: Theo thông báo tuyển sinh của Trường ĐH.CNTT.

1.8. Lệ phí xét tuyển: 150.000 đồng/hộ sơ

1.9. Học phí dự kiến với sinh viên:

STT: 1 Chương trình: Cự nhân 1 Số tín chỉ năm học 2024-2025: 55 Năm 2024-2025: 24.000.000 Số tín chỉ năm học 2025-2026: 48 Năm 2025-2026: 24.000.000 Số tín chỉ năm học 2026-2027: 22 Năm 2026-2027: 11.000.000

STT: 2 Chương trình: Cự nhân 2 Số tín chỉ năm học 2024-2025: 48 Năm 2024-2025: 21.000.000 Số tín chỉ năm học 2025-2026: 26 Năm 2025-2026: 13.000.000

STT: 3 Chương trình: Liên thông đại học Số tín chỉ năm học 2024-2025: 42 Năm 2024-2025: 18.300.000 Số tín chỉ năm học 2025-2026: 10 Năm 2025-2026: 5.000.000

1.10. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm: theo thông báo tuyển sinh của Trường.

1.11. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành): Không có

-------------------------------------------------------------

CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2023 (Người học)

STT: A Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo: SAU ĐẠI HỌC

STT: 1 Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo: Tiến sĩ

STT: 1.1 Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo: Máy tính và công nghệ thông tin

STT: 1.1.1 Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo: Khoa học máy tính Mã ngành: 9480101 Lĩnh vực: Máy tính và công nghệ thông tin Quy mô đào tạo: 9

STT: 1.1.2 Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo: Công nghệ thông tin Mã ngành: 9480201 Lĩnh vực: Máy tính và công nghệ thông tin Quy mô đào tạo: 8

STT: 2 Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo: Thạc sĩ

STT: 2.1 Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo: Máy tính và công nghệ thông tin

STT: 2.1.1 Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo: Khoa học máy tính Mã ngành: 8480101 Lĩnh vực: Máy tính và công nghệ thông tin Quy mô đào tạo: 182

STT: 2.1.2 Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo: Hệ thống thông tin Mã ngành: 8480104 Lĩnh vực: Máy tính và công nghệ thông tin Quy mô đào tạo: 93

STT: 2.1.3 Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo: Công nghệ thông tin Mã ngành: 8480201 Lĩnh vực: Máy tính và công nghệ thông tin Quy mô đào tạo: 199

STT: 2.1.4 Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo: An toàn thông tin Mã ngành: 8480202 Lĩnh vực: Máy tính và công nghệ thông tin Quy mô đào tạo: 71

STT: B Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo: ĐẠI HỌC

STT: 3 Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo: Đại học chính quy

STT: 3.1 Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo: Chính quy

STT: 3.1.1 Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo: Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học

STT: 3.1.1.1 Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo: Máy tính và công nghệ thông tin

STT: 3.1.1.1.1 Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo: Khoa học máy tính Mã ngành: 7480101 Lĩnh vực: Máy tính và công nghệ thông tin Quy mô đào tạo: 1247

STT: 3.1.1.1.2 Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo: Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu Mã ngành: 7480102 Lĩnh vực: Máy tính và công nghệ thông tin Quy mô đào tạo: 898

STT: 3.1.1.1.3 Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo: Kỹ thuật phần mềm Mã ngành: 7480103 Lĩnh vực: Máy tính và công nghệ thông tin Quy mô đào tạo: 1174

STT: 3.1.1.1.4 Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo: Hệ thống thông tin Mã ngành: 7480104 Lĩnh vực: Máy tính và công nghệ thông tin Quy mô đào tạo: 1280

STT: 3.1.1.1.5 Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo: Kỹ thuật máy tính Mã ngành: 7480106 Lĩnh vực: Máy tính và công nghệ thông tin Quy mô đào tạo: 1041

STT: 3.1.1.1.6 Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo: Khoa học dữ liệu Mã ngành: 7480109 Lĩnh vực: Máy tính và công nghệ thông tin Quy mô đào tạo: 251

STT: 3.1.1.1.7 Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo: Công nghệ thông tin Mã ngành: 7480201 Lĩnh vực: Máy tính và công nghệ thông tin Quy mô đào tạo: 1246

STT: 3.1.1.1.8 Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo: An toàn thông tin Mã ngành: 7480202 Lĩnh vực: Máy tính và công nghệ thông tin Quy mô đào tạo: 752

STT: 3.1.2 Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo: Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)

STT: 3.1.2.1 Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo: Kinh doanh và quản lý Mã ngành: 7340122 Lĩnh vực: Kinh doanh và quản lý Quy mô đào tạo: 507

STT: 3.1.2.2 Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo: Máy tính và công nghệ thông tin

STT: 3.1.2.2.1 Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo: Trí tuệ nhân tạo Mã ngành: 7480207 Lĩnh vực: Máy tính và công nghệ thông tin Quy mô đào tạo: 71

STT: 3.1.3 Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo: Liên kết đào tạo nước ngoài do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp bằng

STT: 3.1.3.1 Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo: Khoa học máy tính Mã ngành: 7480101 Lĩnh vực: Máy tính và công nghệ thông tin Quy mô đào tạo: 130

STT: 3.1.3.2 Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo: Mạng máy tính và An toàn thông tin Mã ngành: 7480102 Lĩnh vực: Máy tính và công nghệ thông tin Quy mô đào tạo: 14

STT: 3.2 Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo: Liên thông từ trung cấp lên đại học

STT: 3.3 Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo: Liên thông từ cao đẳng lên đại học

STT: 3.3.1 Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo: Máy tính và công nghệ thông tin

STT: 3.3.1.1 Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo: Công nghệ thông tin Mã ngành: 7480201 Lĩnh vực: Máy tính và công nghệ thông tin Quy mô đào tạo: 88

STT: 3.4 Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo: Đào tạo chính quy với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên

STT: 3.4.1 Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo: Máy tính và công nghệ thông tin

STT: 3.4.1.1 Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo: Công nghệ thông tin Mã ngành: 7480201 Lĩnh vực: Máy tính và công nghệ thông tin Quy mô đào tạo: 120

STT: 4 Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo: Đại học vừa làm vừa học

STT: 4.1 Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo: Vừa làm vừa học

STT: 4.2 Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo: Liên thông từ trung cấp lên đại học

STT: 4.3 Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo: Liên thông từ cao đẳng lên đại học

STT: 4.4 Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo: Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên

STT: 5 Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo: Tự xa

STT: 5.1 Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo: Máy tính và công nghệ thông tin

STT: 5.1.1 Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo: Công nghệ thông tin Mã ngành: 7480201 Lĩnh vực: Máy tính và công nghệ thông tin Quy mô đào tạo: 1207

2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

2.1. Thông kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường (ha): 133.900 m²

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có): Dùng chung ĐHQG-HCM

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy:

STT: 1 Loại phòng: Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo Số lượng: 161 Diện tích sàn xây dựng (m²): 25104

STT: 1.1 Loại phòng: Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ Số lượng: 01 Diện tích sàn xây dựng (m²): 400

STT: 1.2 Loại phòng: Phòng học từ 100 - 200 chỗ Số lượng: 20 Diện tích sàn xây dựng (m²): 5250

STT: 1.3 Loại phòng: Phòng học từ 50 - 100 chỗ Số lượng: 64 Diện tích sàn xây dựng (m²): 13200

STT: 1.4 Loại phòng: Số phòng học dưới 50 chỗ Số lượng: 47 Diện tích sàn xây dựng (m²): 4428

STT: 1.5 Loại phòng: Số phòng học đa phương tiện Số lượng: 01 Diện tích sàn xây dựng (m²): 135

STT: 1.6 Loại phòng: Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo Số lượng: 28 Diện tích sàn xây dựng (m²): 1640

STT: 2 Loại phòng: Thư viện, trung tâm học liệu Số lượng: 1 Diện tích sàn xây dựng (m²): 1266

STT: 3 Loại phòng: Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập Số lượng: 29 Diện tích sàn xây dựng (m²): 7958

STT: Tổng Số lượng: 352 Diện tích sàn xây dựng (m²): 59381

2.2. Các thông tin khác

2.2.1. Thông kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

Stt: 1 Tên: Phòng thực hành: 15 phòng Đánh mục trang thiết bị chính: Bàn + ghế thực hành sinh viên, Bàn + ghế giảng viên, máy chủ, máy tính thực hành, hệ thống âm thanh: Micro không dây + loa, máy chiếu, màn chiếu, bảng viết mika, trang bị máy lạnh toàn bộ các phòng máy. Phúc vụ Ngành/Nhóm ngành/Khoi ngành đào tạo: - Khối ngành III - Khối ngành V

Stt: 2 Tên: Phòng thí nghiệm truyền thống đa phương tiện: 01 phòng Đánh mục trang thiết bị chính: Bàn, ghế sinh viên, bàn ghế giảng viên, bàn, ghế phòng họp, máy chiếu, màn chiếu, máy in, điện thoại, máy laptop, máy tính bảng, máy nước nóng lạnh, các thiết bị phục vụ nghiên cứu. Chi tiết: - Máy tính để bàn Thin Client: XPS 8700 Desktop, 4th Generation Intel(R) Core(TM) i7-4790 processor Phúc vụ Ngành/Nhóm ngành/Khoi ngành đào tạo: - Khối ngành V

Đánh mục trang thiết bị chính: (8M Cache, up to 4.00 GHz), XPS 8700, Black Chassis, 32GB Dual Channel DDR3 1600MHz (8GBx4). - Sách nghiên cứu về xử lý multimedia, lập trình hệ thống những, lập trình game, Sony PlayStation 4 DualShock 4 Bundle. - Phụ kiện: Dây nguồn, dây HDMI, Tắt cảm điều khiển PS4, tai nghe headphone, dây USB → mini USB, tài liệu hướng dẫn, Switch - L2 Switch 16 ports Dlink DGS-1016D, Thiết bị camera ngoài trời có định Foscam, Xbox One + Kinect Xbox One console – 1540, … Phúc vụ Ngành/Nhóm ngành/Khoi ngành đào tạo: - Khối ngành III - Khối ngành V

Stt: 3 Tên: Phòng thí nghiệm hệ thống thông tin: 01 phòng Đánh mục trang thiết bị chính: Bàn, ghế sinh viên, bàn ghế giảng viên, bàn, ghế phòng họp, máy chiếu, màn chiếu, máy in, điện thoại, máy laptop, máy nước nóng lạnh, các thiết bị thí nghiệm phục vụ nghiên cứu, máy tính bộ. Chi tiết: desktop HP Compaq Pro 6300 MT PC QV983AV. Intel Core i7-3770 CPU, 4GB DDR3-1600 DIMM (1x4GB) RAM, 500GB 7200 RPM 3.5 HDD. Monitor: HP Compaq LE2002x 20-inch LED Backlit LCD, Hệ thống đàm máy (cloud),…

Stt: 4 Tên: Phòng thí nghiệm an toàn thông tin: 01 phòng Đánh mục trang thiết bị chính: Bàn, ghế sinh viên, bàn ghế giảng viên, bàn, ghế phòng họp, máy chiếu, màn chiếu, máy in, điện thoại, máy laptop, máy nước nóng lạnh, các thiết bị thí nghiệm phục vụ nghiên cứu. Chi tiết: - Switch layer 2 Catalyst 2960-X 24 GigE, Router Cisco ISR 4321, Switch layer 3 Cisco Catalyst 3850 24 Port Data IP Base, ASA 5512-X with SW, 6GE Data, 1GE Mgmt, AC, 3DES/AES, Access Point AIR-AP2702E-UXZBLK. - Màn hình LED 60 inches Samsung 60J6200. Phúc vụ Ngành/Nhóm ngành/Khoi ngành đào tạo: - Khối ngành V

-------------------------------------------------------------

I. Thông tin chung (tính đến thời điểm xây dựng kế hoạch tuyển sinh)

1. Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Công nghệ Thông tin – ĐHQG.HCM

2. Mã trường UIT: QSC

3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu):

Khu phố 6, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, TP. HCM

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo:

www.uit.edu.vn

5. Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo (có thông tin tuyển sinh):

https://www.facebook.com/TuyenSinh.UIT/

https://www.facebook.com/UIT.Fanpage/

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0908831246

7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của CSĐT: www.uit.edu.vn/

Công bố ba công khai (uit.edu.vn)

Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, lĩnh vực đào tạo, được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm.

STT: 1 Lĩnh vực / Ngành đào tạo: Kinh doanh và quản lý Trình độ đào tạo: Đại học Chỉ tiêu tuyển sinh: 110 Số SV trúng tuyển nhập học: 96 Số SV tốt nghiệp: 29 Tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp (khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh): 0

STT: 2 Lĩnh vực / Ngành đào tạo: Thương mại điện tử Trình độ đào tạo: Đại học Chỉ tiêu tuyển sinh: 110 Số SV trúng tuyển nhập học: 96 Số SV tốt nghiệp: 29 Tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp (khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh): 0

STT: 3 Lĩnh vực / Ngành đào tạo: Máy tính và công nghệ thông tin Trình độ đào tạo: Đại học Chỉ tiêu tuyển sinh: 1620 Số SV trúng tuyển nhập học: 1638 Số SV tốt nghiệp: 1175 Tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp (khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh): 0

STT: 4 Lĩnh vực / Ngành đào tạo: Khoa học máy tính Trình độ đào tạo: Đại học Chỉ tiêu tuyển sinh: 240 Số SV trúng tuyển nhập học: 250 Số SV tốt nghiệp: 190 Tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp (khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh): 95.8

2.2.2 Thông kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo...sách, tạp chí, kế cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

STT: 1 Khối ngành đào tạo/Nhóm ngành: Khối ngành/Nhóm ngành I

STT: 2 Khối ngành đào tạo/Nhóm ngành: Khối ngành II

STT: 3 Khối ngành đào tạo/Nhóm ngành: Khối ngành III

STT: 4 Khối ngành đào tạo/Nhóm ngành: Khối ngành IV

STT: 5 Khối ngành đào tạo/Nhóm ngành: Khối ngành V

+ Sách: >1.400 nhan đề/ >12.000 bản (chủ yếu sách chuyên ngành chung về IT). Ngoài ra còn dùng chung (Mượn trả) nguồn tư liệu của các thư viện trong hệ thống thư viện ĐHQG-HCM (tất cả 09 thư viện thành viên trong hệ thống Thư viện ĐHQG-HCM: Thư viện Trung tâm, Thư viện Đại học Bách Khoa, Thư viện Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Thư viện Đại học Kinh tế- Luật, Thư viện Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Thư viện Đại học Quốc tế, Thư viện Đại học An Giang, Thư viện Văn Tái nguyên Mối trường).

+ Tạp chí: Dùng chung các tạp chí điện tử của Hệ thống Thư viện ĐHQG-HCM (Thư viện Trung tâm quản lý)

+ Ebook: >8000 file tài liệu số nội sinh và suy tân

+ Cơ sở dữ liệu: Dùng chung các cơ sở dữ liệu của Hệ thống Thư viện ĐHQG-HCM (Thư viện Trung tâm quản lý: 24 cơ sở dữ liệu trong và ngoài nước được mua có bản quyền)

Khối ngành đào tạo/Nhóm ngành: ĐHQG-HCM: Thự viên Trung tâm, Thự viên Đại học Bách Khoa, Thự viên Đại học Khoa học Tự nhiên, Thự viên Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Thự viên Đại học Kinh tế- Luật, Thự viên Trường Đại học Công nghệ Thông tin, Thự viên Đại học Quốc tế, Thự viên Đại học An Giang, Thự viên Viện Tài nguyên Môi trường).

+ Tập chí: Dùng chung các tập chí điện tử của Hệ thống Thự viên ĐHQG-HCM (Thự viên Trung tâm quản lý)

+ Ebook: > 8000 file tài liệu số nội sinh và sự tầm.

+ Cơ sở dữ liệu: Dùng chung các cơ sở dữ liệu của Hệ thống Thự viên ĐHQG-HCM (Thự viên Trung tâm quản lý: 24 cơ sở dữ liệu trong và ngoài nước được mua có bản quyền) |